

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của UBND xã Như Thanh về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, cải tạo trường mầm non khu B, thị trấn Bến Sung, xã Như Thanh;

Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của UBND xã Như Thanh về việc chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Mầm non khu B thị trấn Bến Sung, xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Như Thanh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nâng cấp, cải tạo trường mầm non khu B, thị trấn Bến Sung, xã Như Thanh;

Căn cứ hồ sơ thiết kế về phòng cháy và chữa cháy do Công ty TNHH tư vấn xây dựng Thanh Hóa lập ngày 03 tháng 6 năm 2026.

UBND xã Như Thanh (Chủ đầu tư dự án) thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy công trình: Nâng cấp, cải tạo trường mầm non khu B, thị trấn Bến Sung, xã Như Thanh với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Nâng cấp, cải tạo trường mầm non khu B, thị trấn Bến Sung, xã Như Thanh.

2. Địa điểm xây dựng: xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

3. Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Thanh Hóa;

4. Văn bản pháp lý: (Liệt kê danh mục các văn bản pháp lý liên quan đến công tác đầu tư xây dựng công trình)

- Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của UBND xã Như Thanh về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, cải tạo trường mầm non khu B, thị trấn Bến Sung, xã Như Thanh;

- Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Như

Thanh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nâng cấp, cải tạo trường mầm non khu B, thị trấn Bến Sung, xã Như Thanh;

- Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Như Thanh về việc chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Mầm non khu B thị trấn Bến Sung, xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Quy mô công trình và các nội dung giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (*công năng, số tầng, tổng diện tích sàn, khối tích, các tiêu chí khác tương ứng với đối tượng quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này, tóm tắt các giải pháp thiết kế chính về phòng cháy và chữa cháy*):

Xây mới nhà lớp học 3 tầng 12 phòng mỗi phòng học 30 cháu cùng các hạng mục phụ trợ, trong đó:

- Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng (ký hiệu 4): 03 tầng, diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 643,2 m²; tầng 2-3 khoảng 613,9 m²/tầng; khối tích nhà khoảng 8.490,24 m³, chiều cao PCCC 8,66 m; bậc chịu lửa bậc II; cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0; Hệ thống PCCC trang bị trong công trình gồm: Phương tiện chữa cháy tại chỗ, hệ thống chữa cháy bằng nước (hạng chữa cháy trong nhà), hệ thống báo cháy, hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và chiếu sáng sự cố.

- Nhà để xe máy (ký hiệu 6): 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 84 m², khối tích nhà khoảng 44,13 m³, chiều cao PCCC 1,55 m; bậc chịu lửa bậc IV; cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0; Hệ thống PCCC trang bị trong công trình gồm: Phương tiện chữa cháy tại chỗ, hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và chiếu sáng sự cố.

- Nhà bơm PCCC (ký hiệu 7): 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 15,76 m², khối tích nhà khoảng 252 m³, chiều cao PCCC 1,5 m; bậc chịu lửa bậc II; cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0; Hệ thống PCCC trang bị trong công trình gồm: Phương tiện chữa cháy tại chỗ, hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và chiếu sáng sự cố.

- Cùng các hạng mục kỹ thuật hạ tầng khác.

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

1. Đánh giá chi tiết nội dung giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy bảo đảm theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy và chữa cháy:

a) Khoảng cách phòng cháy, chữa cháy:

- Căn cứ phụ lục E sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD, để xét khoảng cách phòng cháy và chữa cháy của hạng mục đến đường ranh giới khu đất; giữa các hạng mục với nhau.

** Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng:*

- Tường trục E cách ranh giới khu đất >3,1m.
- Tường trục B cách nhà lớp học 1 tầng 6 phòng (ký hiệu: 3) khoảng cách >6m.
- Tường trục 1 ngăn cách với ranh giới khu đất bằng tường gạch đặc dày 220mm đảm bảo GHCL >E60.
- Tường trục 15 ngăn cách với nhà để xe máy (ký hiệu: 6) bằng tường ngăn cháy dày 220mm đảm bảo GHCL >REI150.

Kết luận: Khoảng cách PCCC giữa hạng mục với hạng mục, giữa hạng mục đến đường ranh giới đảm bảo.

b) Đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

- Đường giao thông tiếp cận từ đường bê tông hiện trạng vào có chiều rộng thông thủy làn đường 7m.
- Đường giao thông trong hạng mục có chiều rộng thông thủy >3,5m, đảm bảo độ dốc không quá 1:8,3
- Không có kết cấu chặn phía trên.
- Công trình thuộc nhóm nhà F1.1 có chiều cao PCCC <15m không yêu cầu bố trí bãi đỗ xe chữa cháy
- Đường giao thông rải bê tông nhựa, kết cấu nền đường đảm bảo chịu tải trọng >=40 tấn
- Đường giao thông đảm bảo thông thoáng tại mọi thời điểm, không bị cản trở bởi cây xanh hoặc các vật thể cố định khác.
- Đường cho xe chữa cháy luôn đảm bảo tiếp cận đến điểm bất kỳ trên hình chiếu bằng của nhà không lớn hơn 60m.

Kết luận: Đường giao thông, đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đảm bảo.

c) Giải pháp thoát nạn:

c.1)_Số lượng lối thoát nạn

c.1.1) Giải pháp thoát nạn: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng: Thoát nạn trực tiếp ra bên ngoài, tại tầng 2 và tầng 3 thoát nạn qua hành lang bên vào cầu thang loại 2.

c.2)_Mật độ thoát nạn, chiều rộng lối thoát nạn

STT	HẠNG MỤC	SỐ NGƯỜI LỚN NHẤT 1 THỜI ĐIỂM	DIỆN TÍCH ĐƯỜNG THOÁT NẠN	MẬT ĐỘ DÒNG NGƯỜI THOÁT NẠN
1	Tầng 1	120 người	103 m ²	< 2 người/m ²
2	Tầng 2	120 người	113 m ²	< 2 người/m ²
3	Tầng 3	120 người	113 m ²	< 2 người/m ²

c.3) Thoát nạn phân tán (căn cứ vào 3.2.8 sửa đổi 01: 2023 QCVN 06:2022/BXD):

STT	SỐ TẦNG	CHIỀU DÀI ĐƯỜNG CHÉO NHÀ (D)	KHOẢNG CÁCH GIỮA 2 LỐI THOÁT NẠN (L)	QUY ĐỊNH
1	Tầng 2	49,75m	25,54m	$\geq 1/2$
2	Tầng 3	49,75m	25,54m	$\geq 1/2$

c.4) Khoảng cách đường thoát nạn tại các tầng (Căn cứ vào bảng G.2a sửa đổi 01: 2023 QCVN 06:2022/BXD)

STT	SỐ TẦNG	MẬT ĐỘ DÒNG NGƯỜI	GIAN PHÒNG BÓ TRÍ GIỮA CÁC THANG BỘ	GIAN PHÒNG CÓ CỬA RA MỞ VÀO HÀNH LANG CỤT
1	Tầng 2	< 2 người/m ²	20m	10m
2	Tầng 3	< 2 người/m ²	20m	10m

c.5) Chiều rộng đường thoát nạn (Căn cứ vào G.2.1.1 sửa đổi 01: 2023 QCVN 06:2022/BXD): Chiều rộng thoát nạn thông qua hành lang bên có chiều rộng thông thủy 2,18m vào cầu thang loại 2 có chiều rộng 1,53m.

d) Dự kiến bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

d.1) Bậc chịu lửa: (Căn cứ Bảng 4 và phụ lục F, QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD)

1. Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng:

- Cột BTCT: 220x220mm; 220x300mm; trát xi măng cát 15mm trên lưới thép mảnh, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép có chiều dày ≥ 30 mm – GHCL \geq R90; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0;

- Dầm BTCT: 220x600mm; 220x400mm trát xi măng cát 15mm trên lưới thép mảnh, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép có chiều dày ≥ 30 mm – GHCL \geq R90; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0;

- Tường ngoài: Tường gạch đặc 220mm, trát xi măng 15mm – GHCL \geq E15; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0;

- Sàn tầng: Bê tông cốt thép chiều cao tiết diện 120mm, chiều dày lớp bê tông bảo vệ thép dày 15mm – GHCL \geq REI45; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0.

- Buồng thang tường gạch đặc dày 220mm trát xi măng cát 10mm – GHCL \geq REI150; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0;

- Bản thang và chiếu thang sử dụng bê tông cốt thép dày 120mm trát xi măng

cát dày 20mm – GHCL \geq R15; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0

Kết luận: Bậc II, cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0.

2. Nhà để xe máy :

- Dầm vì kèo thép, cột thép – GHCL \geq R15; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0;

- Mái tôn và xà gồ thép đảm bảo mái tôn có GHCL $>$ RE 15, xà gồ thép có GHCL $>$ R15; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0;

Kết luận: Bậc IV, cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0.

3. Nhà bơm chữa cháy

- Cột BTCT: 220x220mm trát xi măng cát 15mm trên lưới thép mảnh, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép có chiều dày \geq 30mm – GHCL \geq R90; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0;

- Dầm BTCT: 220x250mm; trát xi măng cát 15mm trên lưới thép mảnh, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép có chiều dày \geq 30mm – GHCL \geq R90; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0;

- Tường gạch đặc chịu lực dày 220mm trát xi măng cát 15mm – GHCL \geq R90; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0;

- Sàn mái: Bê tông cốt thép chiều cao tiết diện 100mm, chiều dày lớp bê tông bảo vệ thép dày 15mm – GHCL \geq REI45; Cấp nguy hiểm cháy cấu kiện xây dựng K0.

Kết luận: Bậc II, cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0.

d.2) giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

- Các hệ thống đường ống kỹ thuật xuyên sàn, xuyên tường được chèn bằng gạch và vữa xi măng đảm bảo GHCL của tường sàn.

- Vật liệu hoàn thiện trên đường thoát nạn đảm bảo CV0, không bố trí vật liệu cháy trên đường thoát nạn.

- Không bố trí các kênh, giếng và đường ống vận chuyển khí cháy, hỗn hợp bụi – khí cháy, chất lỏng cháy, chất và vật liệu cháy xuyên qua các tường và sàn ngăn cháy loại 1.

- Các hạng mục đảm bảo về diện tích khoang cháy cho phép (Căn cứ theo phụ H.2 và H.6 – Sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD).

đ) Giải pháp chống khói.

2. Danh mục hồ sơ thiết kế (thuyết minh, bản vẽ thiết kế) được thẩm định theo các nội dung trên.

Hồ sơ bản vẽ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục xây dựng:

- **Tổng mặt bằng:** Giao thông PCCC, Khoảng cách PCCC giữa các hạng mục và từ hạng mục đến ranh giới khu đất (HT-01 đến HT-06)

- **Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng:** Bậc chịu lửa, cấp nguy hiểm cháy của kết cấu, vật liệu hoàn thiện trên đường thoát nạn; Mặt bằng kiến trúc, Khoang cháy và giải pháp ngăn cháy lan; Lối thoát nạn, chiều rộng lối thoát nạn; Khoảng cách từ điểm xa nhất của gian phòng đến lối thoát nạn gần nhất (KT-01 đến KT-28)

- **Nhà để xe máy:** Bậc chịu lửa, cấp nguy hiểm cháy của kết cấu, vật liệu hoàn thiện trên đường thoát nạn; Mặt bằng kiến trúc, Khoang cháy và giải pháp ngăn cháy lan; Lối thoát nạn, chiều rộng lối thoát nạn; Khoảng cách từ điểm xa nhất của gian phòng đến lối thoát nạn gần nhất (NX-01 đến NX-04).

- **Bể nước PCCC và nhà bơm:** Kết cấu bể và mặt bằng nhà bơm: (BN-01B đến BN-06).

UBND xã Như Thanh thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy công trình: Nâng cấp, cải tạo trường mầm non khu B, thị trấn Bến Sung, xã Như Thanh với các nội dung nêu trên, kính đề nghị Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Thanh Hóa thẩm định các nội dung liên quan theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH;
- Lưu: VT, TGV.

CHỦ TỊCH

Hàn Văn Huyền